

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2020/HN-ST**

Ngày: **22/6/2020**

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tiên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trần Văn Tiền

2- Bà Nguyễn Thị Mười

Thư ký phiên tòa: **Đoàn Ngọc Sơn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **La Thị Thúy Vi** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 763/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị Mộng K, sinh năm 1975

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971,

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

(Chị K có mặt tại tòa, anh Đ vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Mộng K trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện sống chung vào năm 2000, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Từ năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn dẫn đến thất bại nên thường xuyên cãi nhau, từ đó vợ chồng lạnh nhạt, không hạnh phúc, không quan tâm chăm sóc nhau và từ năm 2017 vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 10/3/2001 đã trưởng thành, Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 15/9/2011. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: tự thỏa thuận. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án mặt dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Đ đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về tố tụng: Anh Đ đã được triệu tập họp lệ đến Tòa án tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của gia đình và những chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân của chị K và anh Đ về đời sống chung đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị K. Về con chung: Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 10/3/2001 đã trưởng thành nên không xét đến, Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 15/9/2011. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuấn A nên được chấp nhận. Tài sản chung: tự thỏa thuận, về nợ chung: chị K khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn tại Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ án, có hộ khẩu thường trú tại xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh Đ đã được triệu tập họp lệ đến Tòa án tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: chị Lê Thị Mộng K và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và được cấp ngày 09/3/2010 nên được xem là hôn

nhận hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị K trình bày việc đăng ký kết hôn thực hiện vào năm 2010 nhưng vợ chồng anh chị đã sống chung với nhau từ năm 2000, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Từ năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn dẫn đến công việc làm ăn thất bại từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ đã không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc xảy ra mâu thuẫn giữa chị K và anh Đ là có thật vào năm 2015. Mâu thuẫn phát sinh do anh chị bất đồng quan điểm, không dung hòa được. Theo xác nhận của người thân từ gia đình hai bên thì anh chị thường xuyên cãi nhau do làm ăn thất bại, gia đình có dàn xếp nhưng không kết quả, cả hai không có tiếng nói chung và cũng đã không còn sống chung từ nhiều năm qua, nhưng việc ly hôn là chuyện của hai người gia đình không ý kiến. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị K được ly hôn với anh Đ, nhận định này phù hợp với lời đề nghị của kiểm sát viên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K là có căn cứ.

[5] Về con chung: chị K và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 10/3/2001 đã trưởng thành, Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 15/9/2011. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu của chị K phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuấn A nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: chị K khai tự thỏa thuận và nợ chung không có. Tuy nhiên không thu thập được từ ý kiến của anh Đ nên Tòa án không xét đến.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị K phải nộp.

[8] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Mộng K được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 10/3/2001 đã trưởng thành nên không xét đến. Chị K được quyền tiếp tục nuôi con Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 15/9/2011. Ghi nhận việc chị K không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: nợ chung: chị K không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị K phải nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Số tiền án phí của chị K được trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009616 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị K đã nộp đủ án phí.

Chị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Trương Thị Tiến